**KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: KHTN 6 (SÁCH CÁNH DIỀU)**

**THỜI GIAN LÀM BÀI 60 PHÚT**

**B. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| TL | TN | TL | TN |
| **Chủ đề 7: Tế bào** | Nhận biết | **- Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào.**  - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.  - Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào); nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.  - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.  - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.  - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào).  - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.  - Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. |  | 1 |  | C1 |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **Chủ đề 8: Vi rút và vi khuẩn** | Nhận biết | - Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein) và vi khuẩn.  - Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào).  - Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.  **- Nêu được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.**  - Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus và vi khuẩn trong thực tiễn.  - Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu; biết cách làm sữa chua, ...).  - Thực hành quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học | 1 |  | C20 |  |
| Thông hiểu |  |  |  |  |
| Vận dụng |  |  |  |  |
| **Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống** | Nhận biết | - **Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn** (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...).  - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ.  **- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái** (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.  **- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái** (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.  **- Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.**  - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.  **- Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học**.  - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.  **- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).**  - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.  - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.  - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).  - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. | **1** | **7** |  | C2,C3,  C4,C5,  C6,C7,  C8,C21 |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| Thông hiểu |  |  |  |  |
| Vận dụng |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **Chủ đề 9: Lực**  **- Lực và tác dụng của lực** | Nhận biết | - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.  - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.  **- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm: thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, biến dạng vật.**  - Đo được lực bằng lực kế lò xo, **đơn vị là niu tơn (Newton, kí hiệu N)** (không yêu cầu giải thích nguyên lí đo).  - Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.  - Nêu được: Lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.  **- Nêu được: Lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai**  **vật; khái niệm về lực ma sát trượt;** khái niệm về lực ma sát nghỉ.  - Sử dụng tranh, ảnh (hình vẽ, học liệu điện tử) để nêu được: Sự tương tác giữa bề mặt của hai vật tạo ra lực ma sát giữa chún |  | 2 |  | C9,C10 |
| Thông hiểu | 2 | 2 |  | C11,C12, C17,C18 |
| Vận dụng |  |  |  |  |
| 1 |  |  | C13 |
|  |  |  |  |
| **Chủ đề 10: Năng lượng** | Nhận biết | - Từ tranh ảnh (hình vẽ, hoặc học liệu điện tử) hiện tượng trong khoa học hoặc thực tế, lấy được ví dụ để chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.  **- Phân loại được năng lượng theo tiêu chí**.  - Nêu được: Vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy gọi là nhiên liệu.  - Nêu được sự truyền năng lượng trong một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn.  - **Lấy ví dụ chứng tỏ được: Năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.**  - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh hoạ.  - Nêu được: Năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.  - Lấy được ví dụ về một số loại năng lượng tái tạo thông dụng.  - Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hằng ngày. |  | 1 |  | C14 |
| Thông hiểu | 1 |  | C19 |  |
|  |  |  |  |
| **Chủ đề 11:**  **Trái đất và bầu trời** | Nhận biết | - Giải thích được một cách định tính và sơ lược: từ **Trái Đất thấy Mặt Trời mọc và lặn hằng ngày.**  - Nêu được **Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh** và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời.  - Thiết kế mô hình thực tế (hoặc vẽ hình) để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong Tuần Trăng.  - Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau.  - Sử dụng tranh ảnh (hình vẽ hoặc học liệu điện tử) chỉ ra được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà. |  | 2 |  | C15,C16 |
| Thông hiểu |  |  |  |  |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com